***Ngày soạn: Ngày dạy:***

**Tuần 6 - Tiết 23:**

**TRỢ TỪ, THÁN TỪ**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

***1. Kiến thức:*** Khái niệm trợ từ, thán từ.

- Đặc điểm và cách sử dụng trợ từ, thán từ.

***2. Kĩ năng:*** - Dùng trợ từ và thán từ phù hợp trong nói và viết.

- Giáo dục học sinh kĩ năng sống:

+ Ra quyết định sử dụng trợ từ, thán từ phù hợp với tình huống giao tiếp.

+ Giao tiếp: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm cá nhân về cách sử dụng trợ từ, thán từ tiếng Việt.

***3. Thái độ:***- Giáo dục ý thức dùng từ đúng hoàn cảnh giao tiếp.

***4. Năng lực:***

- Năng lực chung: tư duy, nhận thức, giải quyết vấn đề độc lập

- Năng lực riêng: phản biện, giao tiếp bằng ngôn ngữ, làm việc nhóm

**II. Chuẩn bị:**

- Giáo viên: Soạn giáo án, đọc tài liệu tham khảo.

- Học sinh: Học bài cũ, ôn lại kiến thức về danh từ.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Ổn định tổ chức lớp (1 phút)**

**2. Kiểm tra bài cũ** (lồng ghép trong tiết dạy)

**3 . Bài mới (44 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động**  **của trò** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (1 PHÚT)** | | |
| Thi kể tên các từ ngữ dùng để bộc lộ cảm xúc.  Gv dẫn vào bài | Kể tên |  |
| **B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20 phút)** | | |
| **Hoạt động 1. Hướng dẫn tìm hiểu về trợ từ**  - Gv cung cấp ví dụ sgk bằng bảng phụ.  \* HS đọc quan sát so sánh 3 câu trong SGK- 69  \* HS thảo luận và trả lời câu hỏi:  ? Về hình thức, câu 2 và 3 có gì khác so với câu 1?  ? Từ ***những*** và từ ***có*** đi kèm với từ nào trong câu ?  + Đi kèm với từ ***hai bát.***  ? Nghĩa của câu 1 là gì và câu 2, 3 có thêm từ ***những, có***  thì nghĩa của 2 câu đó có gì khác ?  + C1: Thông báo khách quan (nó ăn, số lượng: 2 bát cơm)  + C2: Ngoài việc diễn đạt ý khách quan như trên còn có ý nghĩa ***nhấn mạnh, đánh giá*** việc “nó ăn hai bát cơm” là nhiều, vượt quá mức bình thường ( ***những*** ).  + C3: Ngoài việc diễn đạt ý khách quan như trên còn có ý nghĩa ***nhấn mạnh, đánh giá*** việc “ nó ăn hai bát cơm” là ít không đạt mức độ bình thường ( ***có*** ).  ? Ngoài các trợ từ ***những***, ***có*** em có thể tìm thêm các trợ từ khác và đặt câu với các trợ từ đó ?  - Nói dối là tự làm hại chính mình.  - Tôi đã gọi đích danh nó ra.  - Ngay cả tớ mà bạn cũng không tin sao ?  ? Vậy thế nào là trợ từ?  - Gọi học sinh đọc ghi nhớ trong SGK. | HS đọc VD  Thảo luận cặp đôi  PB cá nhân  HS khá, giỏi | **I. Trợ từ.**  **1. Ví dụ:**  **2. Nhận xét:**  - Câu 1: *Nó ăn hai bát cơm*  - Câu 2: *Nó ăn những hai bát cơm*  - Câu 3: *Nó ăn có hai bát cơm*  + Câu 2 thêm từ ***những***, câu 3 thêm từ ***có***.  - Câu 1: *Nó ăn hai bát cơm*->Thông báo khách quan (nó ăn, số lượng: 2 bát cơm)  - Câu 2: *Nó ăn những hai bát cơm*-> có ý nhấn mạnh, đánh giá việc nó ăn hai bát cơm là nhiều.  - Câu 3: *Nó ăn có hai bát cơm* -> có ý nhấn mạnh, đánh giá việc nó ăn hai bát cơm là ít.  - Có sự khác nhau đó là do câu có thêm từ "*những, có* ".  -> Từ *"những, có*" dùng để biểu thị thái độ nhấn mạnh, đánh giá của người nói đối với sự việc, sự vật nêu trong câu-> đó là các trợ từ.  - Các từ *" chính, đích, ngay*".  **3. Ghi nhớ:** SGK- 69  + Chú ý: Về mặt NP, trợ từ không làm thành phần câu.  - Khi xác định Trợ từ, phải đặt trong những văn cảnh cụ thể để phân biệt với động từ và lượng từ. |
| **Hoạt động 2. Hướng dẫn tìm hiểu về thán từ**  - Gv treo bảng phụ ghi ví dụ sgk.  ? Các từ "*này, a, vâng*" trong những đoạn trích sau đây biểu thị điều gì.  - Từ "*này* ": gây sự chú ý của ngư­ời đối thoại.  - Từ  *"a"*: biểu thị sự tức giận khi nhận ra điều không tốt với mình.  - Từ *"vâng"*: đáp lại lời người khác lễ phép, nghe theo.  ? Nhận xét về cách dùng các từ " n*ày, a, vâng"* bằng cách lựa chọn các câu trả lời đúng:  *a/ Các từ ấy có thể làm thành một câu độc lập.*  *b/ Các từ ấy không thể làm thành một câu độc lập.*  *c/ Các từ ấy không thể làm một bộ phận của câu.*  *d/ Các từ ấy có thể cùng những từ khác làm thành một câu và thường đứng đầu câu.*  *- Này, a* có khả năng 1 mình tạo thành câu (VD của Nam Cao)  - *Này, a, vâng* cũng có thể làm thành phần biệt lập của câu (không có quan hệ ngữ pháp với các thành phần khác) (VD của Ngô Tất Tố)  ? Các từ đó là thán từ? Vậy thế nào là thán từ? Vị trí của nó.  ? Đặc tính ngữ pháp.  ? Thán từ gồm mấy loại  - Cho h/s đọc ghi nhớ.  - Yêu cầu học sinh đặt câu với 3 thán từ: ôi, ừ, ơ.  + Ôi buổi chiều thật tuyệt!  + Ừ ! Cái cặp ấy được đấy.  + Ơ! Em cứ tưởng ai hoá ra là anh. | PB cá nhân  HS khá, giỏi | **II. Thán từ.**  **1. Ví dụ:**  **2. Nhận xét.**  - là những từ để bộc lộ cảm xúc hoặc để gọi đáp.  - thường đứng ở đầu câu  - có thể tách thành câu riêng.  + Thán từ có hai loại:  - Thán từ bộ lộ tình cảm, cảm xúc: a, ô, ôi, than ôi, trời ơi, ...  - Thán từ gọi đáp: này, vâng, ừ, ê, ...  **3. Ghi nhớ: SGK tr69** |
| **C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (20)** | | |
| - Hs đọc yêu cầu bài tập.  ? Trong các câu dưới đây từ nào là trợ từ từ nào không phải là trợ từ.  ? Giải thích nghĩa của các trợ từ in đậm.  - Tổ chức học sinh làm việc theo nhóm  - Giáo viên gọi đại diện nhóm trình bày.  -Gọi nhóm khác nhận xét.  - Giáo viên đánh giá.  ? Chỉ ra các thán từ trong đoạn trích sau.  - Hs đọc yêu cầu bài 4.    - Hs đọc yêu cầu bài 5. | HS làm bài tập cá nhân  Làm bài tập theo nhóm  Làm cá nhân | **III. Luyện tập.**  **Bài 1**:  - Các trợ từ: a, c, g, i.  **Bài 2:**  - ***lấy***: Nhấn mạnh sự việc: không có 1 lá thư, không có lời nhắn gửi, không có 1 đồng quà.  - ***nguyên***: Nhấn mạnh là chỉ kể riêng tiền thách cưới đã quá cao.  - ***đến***: nghĩa là quá vô lí  - ***cả***: nhấn mạnh việc ăn quá mức bình thường  - ***cứ*** : nhấn mạnh 1 việc lặp lại nhàm chán  **Bài 3 :**  - Các thán từ : a- này, à. d- Chao ôi.  b- ấy. e- Hỡi ơi.  c- vâng.  **Bài 4:**  a. ha ha: biểu lộ sự sung sướng, vui mừng.  -.ái ái: biểu lộ sự sợ hãi, khiếp đảm.  b. Than ôi: Biểu thị sự đau buồn thương tiếc  **Bài 5:**  - Ý nghĩa câu tục ngữ: *Gọi dạ bảo vâng* khuyên bảo chúng ta cách dùng thán từ gọi đáp biểu thị sự lễ phép. |
| **D.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 PHÚT)** | | |
| ? Hàng ngày, chúng ta thường dùng thán từ và trợ từ trong những trường hợp nào? | trả lời |  |
| **E.HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (1 PHÚT)** | | |
| - Học thuộc 2 ghi nhớ, làm bài tập 5, 6 SGK - tr72  Gợi ý BT6: Nghĩa đen: dùng thán từ gọi đáp biểu thị sự lễ phép,nghĩa bóng: nghe lời một cách máy móc, thiếu suy nghĩ  -Xem trước bài “Miêu tả và biểu cảm trong VB tự sự”. | học bài  chuẩn bị |  |

\* Rút kinh nghiệm:

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………